

PHỤ LỤC

**NHU CẦU PHÂN BỐ NHU CẦU GẠO CHO HỌC SINH, HỌC VIÊN THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ HỌC KÌ II (ĐỢT 3)
NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /12/ 2025 của UBND xã Ba Vì)

Số TT	Tên địa phương	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ				Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo)	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ (1000kg) (9)=(3)x(7)x(8)	Trong đó			Ghi chú
		Tổng số 3=4+5+6	Học sinh Tiểu học và THCS tại các trường PTDT bán trú, nội trú	Học sinh TH và THCS thuộc đối tượng bán trú ở khu vực điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học ở trường khu vực III hoặc khu vực II	Học sinh THPT				Số gạo tồn kho năm học 2024-2025 đề nghị khấu trừ (1000kg)	Tổng số gạo đã hỗ trợ đợt 1 của Học kì I năm học 2025-2026 (theo QĐ 99/QĐ/UBND ngày 25/9/2025 của CT UBND tỉnh) và đợt 2 học kì I năm học 2025/2026 tại QĐ 168/QĐ-UBND ngày 5/11/2025) (1000kg) (11)=(9)-(10)	Tổng số gạo đề nghị hỗ trợ đợt 2 của Học kì I năm học 2025-2026 (1000kg) (12)=(9)-(10)-(11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3x7x8	10	11	12	13
I	XÃ BA VÌ	329	-	329	-	105		44,910	0,000	24,795	20,115	
	CẤP TIỂU HỌC	185	-	185	-	75		25,470	0,000	14,445	11,025	
1	Trường TH và THCS Ba Ngạc	22		22		15	9	2,970		1,650	1,320	
2	Trường TH và THCS Ba Tiêu	86		86		15	9	11,610		6,450	5,160	
3	Trường TH và THCS Ba Tiêu	25		25		15	10	3,750		2,250	1,500	<i>HSDTTS vào lớp 1 học TCTV</i>
4	Trường Tiểu học Ba Vì	44		44		15	9	5,940		3,375	2,565	
5	Trường Tiểu học Ba Vì	8		8		15	10	1,200		0,720	0,480	<i>HSDTTS vào lớp 1 học TCTV</i>
	CẤP THCS	144	0	144	0	30		19,440	0,000	10,350	9,090	
1	Trường TH và THCS Ba Ngạc	40		40		15	9	5,400		3,000	2,400	
2	Trường TH và THCS Ba Tiêu	104		104		15	9	14,040		7,350	6,690	